

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HS-ST
Ngày: 01-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Nhật Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Nguyệt Quế**.

2. Bà **Huỳnh Thị Kim Phụng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Mỹ Y** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ và huyện Vĩnh Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng N và bà Trần Thị T - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 25 tháng 10 và ngày 01 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phan Quang N1; Giới tính: Nam; Sinh ngày 26 tháng 6 năm 1978; Nơi sinh: Cần Thơ; Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp nguyên Cán bộ kỹ thuật BQL Dự án huyện V; Thành viên BQL Dự án Bệnh viện đa khoa huyện V; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Cha: Phan Quang T1, sinh năm: 1946; mẹ: Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1954; Vợ: Phạm Thị D, sinh năm: 1980; Con: có 02 người sinh năm: 2009 và 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 21/10/2021 đến nay (*Bị cáo có mặt*).

Người bào chữa cho bị cáo N1: Ông Lưu Ngọc T3 – Văn phòng luật sư Lưu Ngọc T3 (có mặt); Ông Trần Vũ Thanh T4 (có mặt), ông Lê Tuấn K – Văn phòng L3 thuộc đoàn luật sư thành phố C (Vắng mặt).

2. Lê Hiếu L; giới tính: Nam; Sinh ngày 16 tháng 11 năm 1956; Nơi sinh: Cần Thơ; Nơi cư trú: khu vực L, phường. T, quận T, thành phố Cần Thơ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc BQL Dự án huyện V; Trưởng BQL Dự án Bệnh viện đa khoa huyện V; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Giám đốc; Cha: Lê Tâm D1, sinh năm: 1917 (chết); Mẹ: Đỗ Thị X, sinh năm: 1917 (chết); Vợ: Tăng Thị Kim N2, sinh năm: 1955; Con: có 04 người con lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2021 đến nay (*Bị cáo có mặt*).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

01. Nguyễn Công S, sinh năm 1979; Trú tại: KV T, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

02. Nguyễn Hữu T5, sinh năm 1970; Trú tại: 5, K, phường L, quận C, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

03. Phương Hoàng Bửu V, sinh năm 1965; Trú tại: 4 Đ, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

04. Mai Chí N3, sinh năm 1974; Trú tại: A, L, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ (Có mặt)

05. Lê Hồng V1, sinh năm 1972; Trú tại: 3, L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

06. Lê Hữu H, sinh năm, 1973; Trú tại: C, KV E, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

07. Lê Phước T6, sinh năm 1982; Trú tại: 9, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

08. Nguyễn Văn P, sinh năm 1957; Trú tại: Ấp Q, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

09. Huỳnh Văn N4, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt).

10. Nguyễn Tiến T7, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt).

11. Trần Thanh N5, sinh năm 1982; Trú tại: C Chung cư A, khu dân cư I, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

12. Bùi Văn S1, sinh năm 1979; Trú tại: ấp P, thị trấn T, huyện V, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

13. Trần Văn T8, sinh năm 1958; Trú tại: KV P, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

14. Trần Văn H1, sinh năm 1957; Trú tại: ấp P, thị trấn T, huyện V, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

15. Trần Thanh S2, sinh năm 1972; Trú tại: ấp T, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

16. Nguyễn Văn T9, sinh năm 1982; Trú tại: ấp V, thị trấn V, huyện V, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

17. Trần Văn T10, sinh năm 1963; Trú tại: ấp P, thị trấn T, huyện V, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

18. Nguyễn Thanh S3, sinh năm 1956; Trú tại: Số I, đường N, KV P, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

19. Huỳnh Thị Thanh G, sinh năm 1980; Trú tại: A, T, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

20. Nguyễn Ngọc Yến N6, sinh năm, 1981; Trú tại: 2, T, H, N, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

21. Trần Xuân K1, sinh năm 1958; Trú tại: I- 94, Bình Dương, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

22. Lữ Thành Đ, sinh năm 1988; Trú tại: ấp T, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

23. Lê Văn S4, sinh năm 1954; Trú tại: 2 T, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

24. Hà Hữu L1, sinh năm 1984; Trú tại: ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

25. Nguyễn Công T11, sinh năm 1978; Trú tại: ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Cần Thơ (Có mặt).

26. Tô Bảo Q, sinh năm 1976; Trú tại: ấp V, thị trấn V, huyện V, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

27. Huỳnh Thanh Đ1, sinh năm 1972; Trú tại: B, H, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

28. Hồ Quốc C, sinh năm 1979; Trú tại: A L, khu phố B, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

29. Hồ Hữu N7, sinh năm 1978; Trú tại: 2 L, khu phố B, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

30. Nguyễn Vũ T12, sinh năm 1987; Trú tại: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

31. Nguyễn Minh T13, sinh năm 1959; Trú tại: 1, B, phường A, quận F, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người làm chứng

01. Phan Văn H2, sinh năm 1977; Trú tại: ấp C, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

02. Lê Thanh N8, sinh năm 1960; Trú tại: 3 N, KV L, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

03. Nguyễn Trọng H3, sinh năm 1984; Trú tại: ấp Q, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

04. Trương Văn M, sinh năm 1979; Trú tại: T, huyện C, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

05. Huỳnh Văn H4, sinh năm 1956; Trú tại: 2415, ấp P, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

06. Nguyễn Vũ L2, sinh năm 1988; Trú tại: ấp T, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

07. Dương Phước T14, sinh năm 1988; Trú tại: ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt)

08. Ngô Hùng C1, sinh năm 1954; Trú tại: 2 đường C, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

09. Phạm Thị Kim C2, sinh năm 1988; Trú tại: Khu V T, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa huyện V, thành phố Cần Thơ (sau đây gọi là dự án Bệnh viện V) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Cần Thơ ra Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 13/6/2007 phê duyệt giai đoạn 1, với tổng mức đầu tư là 76.631.364.000 đồng do UBND huyện V làm chủ đầu tư. Đến ngày 24/5/2010 và ngày 16/7/2013 dự án có quyết định điều chỉnh, bổ sung nội dung và quy mô đầu tư, thời gian thực hiện dự án từ năm 2007 đến 2015, tổng mức đầu tư điều chỉnh là 142.780.090.824 đồng, nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

Tổ chức thực hiện dự án, ngày 13/4/2007, Chủ tịch UBND huyện V ra Quyết định số 843A/QĐ-UBND thành lập Ban quản lý (BQL) dự án Bệnh viện V, đến ngày 09/7/2009, có Quyết định số 3271/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 843A, phân công Lê Hiếu L, chức vụ Giám đốc BQL Dự án huyện V làm Trưởng ban, Phan Quang N1, là cán bộ kỹ thuật BQL Dự án huyện V làm thành viên. BQL Dự án Bệnh viện V có nhiệm vụ tham mưu UBND huyện V tổ chức thực hiện,

quản lý, thi công dự án, Phan Quang N1 được phân công trực tiếp thực hiện toàn bộ công tác quản lý dự án Bệnh viện V.

Dự án Bệnh viện V có 26 gói thầu xây lắp và thiết bị được triển khai thực hiện, khi thẩm định, báo cáo phê duyệt dự toán gói thầu xây lắp hệ thống xử lý nước thải - thiết bị cũng như tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thiết bị phòng mổ Lê Hiếu L và Phan Quang N1 đã vi phạm các quy định của Luật xây dựng và Luật Đấu thầu gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước **1.191.569.521** đồng, cụ thể như sau:

Về hành vi của bị cáo Phan Quang N1 và bị cáo Lê Hiếu L vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại ngân sách Nhà nước 620.750.521 đồng.

Gói thầu hệ thống xử lý nước thải có công suất 200m³/ngày đêm và thiết bị được tổ chức lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu. Trung tâm C3 là đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công và dự toán. Công ty cổ phần T15 (Công ty T15) là đơn vị thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công và dự toán.

Trung tâm C3 đã lập dự toán của gói thầu là 3.056.000.862 đồng, trong đó chi phí xây dựng sau thuế là 1.260.604.758 đồng, nhà tạm là 12.606.048 đồng, chuyển hồ sơ thiết kế và dự toán đến BQL Dự án Bệnh viện V thẩm định đề nghị phê duyệt.

Bị cáo Phan Quang N1 không đưa dự toán gói thầu đến Công ty T15 tiến hành thẩm định dự toán, mà N1 thỏa thuận với ông Trần Thanh S2 là Giám đốc Công ty để N1 thẩm tra dự toán, lập báo cáo, ông S2 đại diện Công ty ký tên, đóng dấu, chi phí thực hiện được phân chia theo tỉ lệ Công ty T15 giữ 30% (chi cho thuế, quản lý công ty), N1 hưởng 70% trên giá trị hợp đồng, ông S2 đồng ý. Tuy nhiên, N1 không thẩm tra dự toán theo quy định mà sao chép dữ liệu từ đơn vị lập dự toán cung cấp, sau đó đưa vào phần mềm excel tự chỉnh sửa số liệu các chi phí trong dự toán theo ý của N1, N1 không chạy phần mềm dự toán để rà soát khối lượng dự toán nên N1 không phát hiện khối lượng xây lắp trong dự toán thừa rất lớn. Tiếp theo, N1 soạn báo cáo thẩm định dự toán chuyển đến cho ông S2 ký là 3.158.197.738 đồng (xây lắp sau thuế 1.260.604.758 đồng, tăng 55.005.053 đồng so với tư vấn lập dự toán). Ngày 29/6/2010, N1 tiếp tục lập báo cáo 07/KQTĐ.BQL để báo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công và dự toán của gói thầu trình cho Lê Hiếu L ký trình UBND huyện V, kết luận: “Sự phù hợp khối lượng xây dựng tính từ thiết kế với khối lượng trong dự toán đã chỉnh sửa theo Báo cáo kết quả thẩm tra của Công ty T15. Đủ điều kiện phê duyệt thẩm định thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công và dự toán”, bị cáo L tin tưởng N1

thẩm tra đúng, không kiểm tra lại dự toán ký báo cáo theo dự thảo N1 trình. Ngày 05/7/2010, UBND huyện V chấp thuận, phê duyệt dự toán gói thầu.

Trên cơ sở dự toán được phê duyệt, Công ty cổ phần T16 đã tư vấn lập hồ sơ yêu cầu gói thầu hệ thống xử lý nước thải với giá gói thầu 2.638.160.811 đồng, gửi đến nhà thầu xác định là Công ty TNHH T17 (công ty T17), Liên danh Công ty TNHH T17 với Công ty cổ phần Đ2 (liên danh HCM-VINASECO) đã gửi hồ sơ đề xuất và được chấp nhận ký hợp đồng thi công với giá gói thầu 2.601.721.000 đồng (xây lắp trị giá 1.286.597.000 đồng).

Ngày 15/3/2011, BQL Dự án Bệnh viện V cho liên danh HCM-VINASECO tạm ứng 1.300.000.000 đồng. Ngày 21/3/2011, các bên lập biên bản khởi công công trình.

Đến ngày 28/9/2011, ông Nguyễn Văn P, Chủ tịch UBND huyện V ký Quyết định số 4118/QĐ-UBND phê duyệt thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công và dự toán xây dựng thêm nhà điều hành, hàng rào bao quanh với dự toán 235.228.574 đồng, trong đó chi phí xây lắp sau thuế là 207.154.320 đồng, giao Công ty T17 thi công bằng hình thức ký phụ lục hợp đồng giá 205.041.345 đồng.

Ngày 02/01/2012, BQL Dự án Bệnh viện V và Liên danh HCM-VINASECO tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 03/2012/PLHĐ-XDLĐTĐB, nội dung bổ sung thêm việc thi công nhà điều hành, hàng rào bao quanh khuôn viên khu đất, giá trị hợp đồng được điều chỉnh thành 2.806.762.345 đồng, thời hạn hoàn thành được điều chỉnh đến ngày 30/5/2012.

Quá trình triển khai thực hiện hợp đồng, ngày 14/6/2011, khi thực hiện đợt xác định khối lượng lần thứ nhất để thanh toán, N1 phát hiện khối lượng thi công thực tế và khối lượng theo hợp đồng chênh lệch thừa nhưng N1 không báo cáo bị cáo L để báo đến UBND huyện V giải quyết mà vẫn tiếp tục thực hiện theo tiến độ thanh toán của hợp đồng, tiếp tục xác định khối lượng thanh toán 03 đợt tiếp theo vào các ngày 29/8/2011, ngày 05/12/2011 và ngày 30/5/2012 với tổng số tiền đã thanh toán cho nhà thầu là 751.203.804 đồng lập hồ sơ trình bị cáo L ký đề nghị thanh toán cho nhà thầu, bị cáo L không kiểm tra hồ sơ thanh toán, tin tưởng N1 thực hiện đúng quy định đã ký nghiệm thu thanh toán 04 đợt theo trình ký của N1. Sau khi N1 nghỉ việc, công việc của N1 được bàn giao lại cho Ban quản lý dự án Bệnh viện V, ông Lê Thanh N8 và ông Phan Văn H2 đại diện chủ đầu tư đã làm hồ sơ thanh toán theo hợp đồng trọn gói phần còn lại trong 2 đợt là ngày 03/4/2015 và ngày 22/4/2015 với số tiền 405.420.000 đồng, lũy kế giá trị thanh toán 2.666.420.000 đồng, bao gồm cả trừ tạm ứng 1.300.000.000 đồng.

Đến ngày 03/11/2015, Công ty T17 lập biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng. Đại diện chủ đầu tư, đơn vị giám sát, đơn vị sử dụng đánh giá “đạt yêu cầu theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt,

chấp nhận nghiệm thu đưa vào sử dụng”. Hai bên lập hồ sơ quyết toán công trình năm 2015 với tổng số tiền 2.806.762.345 đồng. Tổng cộng, Chủ đầu tư đã thanh toán cho đơn vị thi công số tiền 2.666.420.000 đồng (bao gồm cả trừ tạm ứng 1.300.000.000 đồng), còn giữ lại 140.324.345 đồng là tiền bảo hành.

Theo Kết luận Giám định tư pháp số 01/KLGĐTP-TT ngày 21/6/2021, Kết luận Giám định tư pháp bổ sung số 63/KLGĐTP-TT ngày 20/4/2022 và số 75/KLGĐTP-TT ngày 17/5/2022 của Trung tâm Quản lý nhà ở và chất lượng công trình xây dựng thuộc Sở xây dựng thành phố C kết luận: thiệt hại đối với khối lượng thừa của dự toán so với thiết kế được phê duyệt áp đơn giá theo hợp đồng: 582.408.300 đồng và giá trị thiệt hại đối với khối lượng của dự toán không bị thừa lấy theo đơn giá hợp đồng trừ cho đơn giá thực tế là 46.613.872 đồng, được trừ giá trị thi công thực tế chưa đúng với thiết kế nhưng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật vận hành và đã được phê duyệt là 8.271.651 đồng. Như vậy tổng giá trị thiệt hại cho ngân sách nhà nước là: 582.408.300 đồng + 46.613.872 đồng - 8.271.651 đồng = 620.750.521 đồng.

Về Hành vi của bị cáo Phan Quang N1 và bị cáo Lê Hiếu L vi phạm quy định về đấu thầu gây thiệt hại ngân sách Nhà nước 570.819.000 đồng.

Gói thầu thiết bị phòng mổ và gói thầu chẩn đoán hình ảnh được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bằng hình thức đấu thầu rộng rãi với giá gói thầu thiết bị phòng mổ sau thuế là 5.322.200.000 đồng.

Để thực hiện quy trình đấu thầu, BQL dự án Bệnh viện V chỉ định thầu Công ty T15 lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu. Công ty T15 khi xây dựng các tiêu chí lựa chọn nhà thầu đã đưa vào 02 tiêu chí đánh giá năng lực nhà thầu là yêu cầu phải có ít nhất 01 hợp đồng đã thực hiện với cơ quan quản lý nhà nước và có trạm bảo hành tại Cần Thơ.

Sau khi đóng- mở thầu, nhận được kết quả phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu của Công ty T15, BQL Dự án Bệnh viện V phát hiện 02 tiêu chí được đưa vào là tiêu chí cao nên ngày 10/5/2011, bị cáo L chỉ đạo bị cáo N1 soạn thảo để bị cáo L ký Công văn số 116/CV-BQL xin chủ trương chỉ đạo của UBND huyện về kết quả báo cáo phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu gói Thiết bị chuẩn đoán hình ảnh và thiết bị phòng mổ. Tuy nhiên, trong ngày, bị cáo L chỉ đạo N1 sửa lại nội dung công văn 116 thành xin chủ trương một gói thầu thiết bị chuẩn đoán hình ảnh.

Cùng ngày 10/5/2011, ông Nguyễn Văn P, Chủ tịch UBND huyện V, ban hành Công văn số 186/UBND-TH giao Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thẩm định kết quả phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu thiết bị chuẩn đoán hình ảnh.

Ngày 12/5/2011, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện V có báo cáo số 25 đề xuất đến UBND huyện V không công nhận kết quả phân tích, đánh giá hồ sơ dự

thầu do đơn vị tư vấn lập, cho phép bên mời thầu được lập lại hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu lại. Đến ngày 20/5/2011, UBND huyện V có Công văn 199, thống nhất đề xuất của Phòng Tài chính- Kế hoạch, giao BQL Dự án huyện tổ chức đấu thầu lại gói thầu thiết bị chẩn đoán hình ảnh.

Ngày 16/5/2011, N1 soạn Tờ trình số 120/TTr đề Lê Hiếu L ký với nội dung chuyển Phòng Tài chính – Kế hoạch xem xét, thẩm định trình UBND huyện V phê duyệt kết quả mở thầu công nhận đơn vị trúng thầu là Công ty C4, Ngày 17/5/2011 Phòng T có báo cáo thẩm định số 26 Tờ trình số 253 đề nghị UBND huyện V phê duyệt kết quả đấu thầu. Ngày 18/5/2011, ông Trần Ngọc H5 - Phó chủ tịch UBND huyện V ký quyết định số 2476/QĐ-UBND phê duyệt kết quả đấu thầu cho đơn vị trúng thầu là Công ty C4 với giá dự thầu là 5.233.000.000 đồng. Công ty V3 cùng dự thầu với giá 4.662.180.400 đồng các tiêu chí còn lại đều đạt, chỉ không có trạm bảo hành tại Cần Thơ.

Tại Kết luận giám định số 828/GĐTP ngày 25/3/2022 của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố C kết luận:

Việc đưa tiêu chí yêu cầu “về kinh nghiệm có ít nhất 01 hợp đồng đã được thực hiện với cơ quan quản lý nhà nước; về năng lực sản xuất có trạm bảo hành tại thành phố Cần Thơ” trong hồ sơ mời thầu gói thầu thiết bị phòng mổ và gói thầu thiết bị chẩn đoán hình ảnh (lần 1) là hạn chế sự tham gia của nhà thầu, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Đấu thầu năm 2005 “Trong hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng” và Điều 2 Thông tư số 05/2010/TT-BKHĐT ngày 10/2/2010 của Bộ K2 và Đầu tư “Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ mời thầu căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu mà đưa ra các yêu cầu trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế; không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng”.

Tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu không hợp lý hoặc chứa đựng nhiều yếu tố có khả năng làm giảm tính cạnh tranh trong đấu thầu, làm tăng yếu tố chủ quan trong lựa chọn nhà thầu gây thất thoát cho Ngân sách Nhà nước 570.819.000 đồng (nếu không huỷ thầu gói thiết bị chẩn đoán hình ảnh sẽ gây thất thoát cho Ngân sách Nhà nước 1.535.819.000 đồng cho cả 02 gói thầu).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên bổ sung thêm nội dung ngày 30/6/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành quyết định trả lại tài sản số 01 trả lại 413.147.000 đồng cho Ủy Ban nhân dân huyện V nộp hoàn lại ngân sách nhà nước số tiền đã tạm ứng.

Quá trình điều tra các bị cáo Phan Quang N1 và bị cáo Lê Hiếu L thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tại cáo trạng số 26/CT-VKSVT ngày 07 tháng 8 năm 2023 đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ truy tố các bị cáo .

- Lê Hiếu L về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” và tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, theo điểm đ - khoản 2 - Điều 222, điểm c - khoản 2 - Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Phan Quang N1 về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” và tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm đ - khoản 2 - Điều 222, điểm d - khoản 2 - Điều 224 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã đưa ra những chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị:

Áp dụng điểm đ - khoản 2 - Điều 222, điểm d - khoản 2 - Điều 224; Điều 17, khoản 1 Điều 54, Điều 55, Điều 58, điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Phan Quang N1 từ 01 đến 02 năm tù về tội Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, từ 03 đến 04 năm tù về tội Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng. Tổng hợp hình phạt: 04 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng điểm đ - khoản 2 - Điều 222, điểm c - khoản 2 - Điều 360; Điều 17, Khoản 1 Điều 54, Điều 55, Điều 58, điểm b, s, t, v khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Hiếu L từ 03-04 năm tù về tội Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, từ 01-02 năm tù về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Tổng hợp hình phạt: 04-06 năm tù

Ngày 08/8/2022, ông Nguyễn Văn P nguyên Chủ tịch UBND huyện V nộp 178.000.000 đồng và ông Nguyễn Thanh S3, nguyên Chủ tịch UBND huyện V nộp 178.327.000 đồng, Ngày 21/8/2022, ông Trần Văn T10, nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện V nộp số tiền 56.820.000 đồng. Tổng cộng 413.147.000 đồng là tiền nộp khắc phục thiệt hại từ việc chỉ định thầu tư vấn lập dự toán và thẩm tra dự toán 12 gói thầu thiết bị sai quy định mà các ông đã ký phê duyệt. Vì dự toán gói thầu thiết bị được lập khi lập dự án, do đó chi phí tư vấn lập dự toán gói thầu thiết bị được tính vào chi phí tư vấn lập dự án nên việc lập dự toán và thẩm tra dự toán thiết bị là không cần thiết, vì vậy khi đề nghị quyết toán đối với khoản tiền này đã không được quyết toán. Tuy nhiên, đây là số tiền BQL dự án thực hiện thủ tục tạm ứng ngân sách để thanh toán cho nhà thầu, đến nay những người có trách nhiệm đã nộp lại, nên không gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, ngày 30/6/2023

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành quyết định trả lại tài sản số 01 trả lại số tiền 413.147.000 đồng cho Ủy Ban nhân dân huyện V nộp hoàn lại ngân sách nhà nước.

- Ngày 30/3/2021, ông Nguyễn Hữu V2 nộp 8.150.000 đồng, ngày 08/4/2021 và ngày 09/7/2021, ông Mai Chí N3, Giám đốc Công ty cổ phần T16 nộp 436.000.000 đồng, ngày 13/4/2021 và ngày 25/5/2022, ông Trần Thanh N5, Giám đốc Công ty TNHH T17 nộp 208.272.000 đồng để khắc phục thiệt hại trong gói thầu Hệ thống xử lý nước thải + thiết bị. Tổng cộng 652.422.000 đồng, trong đó nộp khắc phục thiệt hại là 644.272.000 đồng, nộp khắc phục về chi phí tư vấn điều chỉnh giảm theo Kết luận thanh tra số 1572 ngày 18/12/2020 của Thanh tra thành phố Cần Thơ là 8.150.000 đồng.

- Ngày 15/4/2022, Ông Nguyễn Văn P, nguyên Chủ tịch UBND huyện V nộp 570.900.000 đồng để khắc phục thiệt hại theo kết luận giám định về công tác tổ chức đấu thầu gói thiết bị phòng mổ.

Đây là số tiền thiệt hại trong vụ án liên quan đến 02 gói thầu đã được giám định và kết luận, những người có trách nhiệm liên quan đến 02 gói thầu đã tự nguyện giao nộp tiền khắc phục hậu quả.

Áp dụng Điều 48 Bộ Luật hình sự tuyên trả cho Ủy ban nhân dân huyện V là chủ đầu tư - đơn vị bị thiệt hại trong vụ án theo quy định.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo N1: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo; mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá cao chưa phù hợp với quy định pháp luật; bị cáo không được thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội; bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhiều thành tích trong công tác; bị cáo tác động người liên quan khắc phục hậu quả bị cáo có con đang bị trầm cảm nặng, có ba mẹ già. Ngoài ra cần áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự trong tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” do hành vi của nhứt chỉ là vai trò thứ yếu. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo N1 01 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” và 01 năm tù về tội “Vi phạm qui định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” tổng hợp hình phạt là 02 năm 06 tháng tù thấp hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị mong hội đồng xét xử xem xét.

Các bị cáo nói lời sau cùng mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về hoà nhập với cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo N1 và bị cáo L khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát truy tố: Là trưởng ban và thành viên BQL dự án Bệnh viện V, bị cáo Lê Hiếu L và bị cáo Phan Quang N1 được chủ đầu tư giao nhiệm vụ tổ chức, quản lý, thi công dự án để đảm bảo vốn từ ngân sách nhà nước được quản lý và sử dụng trong xây dựng công trình đạt hiệu quả, công tác tổ chức đấu thầu công khai, minh bạch, mang lại hiệu quả kinh tế. Nhưng khi tổ chức thẩm định dự toán, thi công, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán gói thầu hệ thống xử lý nước thải có công suất 200m³/ngày đêm và thiết bị, bị cáo N1 thỏa thuận với đơn vị tư vấn thẩm định thực hiện trái quy định, bị cáo L thiếu trách nhiệm kiểm tra, quản lý dẫn đến dùng ngân sách Nhà nước chi trả vốn đầu tư xây dựng cho hạng mục công trình này thừa so với thực tế khối lượng thực hiện gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 620.750.521 đồng, trong tổ chức đấu thầu gói thầu thiết bị phòng mổ bị cáo L và bị cáo N1 biết tiêu chí đánh giá năng lực nhà thầu trong hồ sơ mời thầu là cao nhưng vẫn dùng đánh giá hồ sơ dự thầu làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu khác, gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng giữa 02 nhà thầu tham gia dự thầu ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong đấu thầu gây thiệt hại cho nhà nước 570.819.000 đồng. Hành vi mà bị cáo Lê Hiếu L, Phan Quang N1 thực hiện đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, quản lý, sử dụng vốn của nhà nước trong hoạt động xây dựng, đấu thầu mua sắm, đã đủ yếu tố cấu thành các tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”, “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”, “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, quy định tại các Điều 222, 224, 360 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 là có cơ sở.

Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh truy tố các bị cáo Lê Hiếu L về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” và tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, theo điểm đ - khoản 2 - Điều 222, điểm c - khoản 2 - Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung

năm 2017). Phan Quang N1 về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” và tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm đ - khoản 2 - Điều 222, điểm d - khoản 2 - Điều 224 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời khai nhận trên của các bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đối với gói thầu hệ thống xử lý nước thải. Là thành viên BQL dự án Bệnh viện V, bị cáo N1, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của bị cáo L, được bị cáo L phân công tham mưu cho trưởng ban dự án từ khâu thuê đơn vị lập thiết kế dự toán, bản vẽ thi công, thẩm tra dự toán, tổ chức đấu thầu.

Với bản vẽ kỹ thuật thi công của Gói thầu hệ thống xử lý nước thải, dự toán gói thầu cần phải lập với khối lượng xây dựng là 650.400.000 đồng. Thế nhưng, khi đơn vị tư vấn lập dự toán chi phí xây dựng sau thuế là 1.260.604.758 đồng, nhà tạm là 12.606.048 đồng, chuyển hồ sơ đến BQL Dự án thẩm định, đề nghị phê duyệt, bị cáo N1 không đưa hồ sơ dự toán gói thầu đến đơn vị tư vấn thẩm định đã thuê là Công ty T15 để công ty thẩm định dự toán, mà bị cáo N1 thỏa thuận với ông Trần Thanh S2 là Giám đốc Công ty T15 để bị cáo được thẩm định dự toán, lập báo cáo, ông S2 đại diện Công ty ký tên, đóng dấu, chi phí thực hiện được phân chia theo tỉ lệ Công ty T15 giữ 30% (chi cho thuế, quản lý công ty), bị cáo N1 hưởng 70% trên giá trị hợp đồng thì ông S2 đồng ý. Bản thân bị cáo N1 không có phần mềm chạy dự toán, nên đã sao chép dữ liệu từ đơn vị lập dự toán cung cấp, sau đó đưa vào phần mềm excel tự chỉnh sửa số liệu các chi phí trong dự toán theo ý của bị cáo, Bị cáo không chạy phần mềm dự toán để rà soát khối lượng dự toán nên bị cáo không phát hiện khối lượng xây lắp trong dự toán thừa rất lớn, bị cáo còn chỉnh sửa dự toán tăng thêm 55.005.053 đồng. Sau đó, bị cáo soạn báo cáo thẩm định dự toán chuyển đến cho ông S2 ký là 3.158.197.738 đồng trong đó xây lắp sau thuế là 1.260.604.758 đồng. Chính việc thẩm định dự toán sai của bị cáo N1 Công ty cổ phần T16 đã tư vấn lập hồ sơ yêu cầu cho gói thầu, sau đó chỉ định thầu với dự toán cao gần 2 lần khối lượng thực tế và ký hợp đồng trọn gói. Quá trình triển khai thực hiện hợp đồng, ngày 14/6/2011, khi thực hiện đợt xác định khối lượng lần thứ nhất để thanh toán, bị cáo N1 đã phát hiện khối lượng thi công thực tế và khối lượng theo hợp đồng chênh lệch thừa nhưng không báo cáo bị cáo L để báo đến UBND huyện V thương lượng với nhà thầu, giải quyết khối lượng thừa trong hợp đồng đã ký mà vẫn tiếp tục thực hiện theo tiến độ thanh toán của hợp đồng trọn gói. Hành vi sai phạm của bị cáo từ thẩm định dự toán đến việc không báo cáo, tác động người có thẩm quyền dừng việc nghiệm thu thanh toán

kịp thời đã gây hậu quả thiệt hại cho ngân sách nhà nước phải chi trả thừa so với khối lượng thực tế thực hiện. Thiệt hại được xác định khi các bên làm thủ tục nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình sử dụng thanh toán khối lượng xây dựng vào ngày 03/11/2015, sau đó quyết toán gói thầu, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 620.750.521 đồng.

Bị cáo L, tin tưởng bị cáo N1 đã thẩm tra đúng, không kiểm tra lại dự toán được thẩm định, mà kết luận “sự phù hợp khối lượng xây dựng tính từ thiết kế với khối lượng trong dự toán đã chỉnh sửa theo Báo cáo kết quả thẩm tra của Công ty T15. Đủ điều kiện phê duyệt thẩm định thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công và dự toán” trình phê duyệt dự toán. Ngày 05/7/2010, UBND huyện V chấp thuận, phê duyệt dự toán gói thầu.

Sai phạm của các bị cáo tại 02 gói thầu được trưng cầu giám định để xác định trách nhiệm và thiệt hại, Theo Kết luận Giám định tư pháp số 01/KLGĐTP-TT ngày 21/6/2021, Kết luận Giám định tư pháp bổ sung số 63/KLGĐTP-TT ngày 20/4/2022 và số 75/KLGĐTP-TT ngày 17/5/2022 của Trung tâm Quản lý nhà ở và chất lượng công trình xây dựng thuộc Sở Xây dựng thành phố C kết luận: thiệt hại đối với khối lượng thừa của dự toán so với thiết kế được phê duyệt áp đơn giá theo hợp đồng là 582.408.300 đồng và giá trị thiệt hại đối với khối lượng của dự toán không bị thừa lấy theo đơn giá hợp đồng trừ cho đơn giá thực tế là 46.613.872 đồng, được trừ giá trị thi công thực tế chưa đúng với thiết kế nhưng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật vận hành và đã được phê duyệt là 8.271.651 đồng. Như vậy tổng giá trị thiệt hại cho ngân sách nhà nước là: 620.750.521 đồng.

Đối với hành vi vi phạm nghiêm trọng về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng tại Kết luận giám định số 828/GĐTP ngày 25/3/2022 của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố C kết luận:Việc đưa tiêu chí/yêu cầu “*về kinh nghiệm có ít nhất 01 hợp đồng đã được thực hiện với cơ quan quản lý nhà nước; về năng lực sản xuất có trạm bảo hành tại thành phố Cần Thơ*” trong hồ sơ mời thầu gói thầu thiết bị phòng mổ và gói thầu thiết bị chẩn đoán hình ảnh (lần 1) là hạn chế sự tham gia của nhà thầu, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Đấu thầu năm 2005 “*Trong hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng*” và Điều 2 Thông tư số 05/2010/TT-BKHĐT ngày 10/2/2010 của Bộ K2 và Đầu tư “*Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ mời thầu căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu mà đưa ra các yêu cầu trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế; không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng*”.

Tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu không hợp lý hoặc chứa đựng nhiều yếu tố có khả năng làm giảm tính cạnh tranh trong đấu thầu, làm tăng yếu tố chủ quan trong lựa chọn nhà thầu gây thất thoát cho Ngân sách Nhà nước 570.819.000 đồng bị cáo Lê Hiếu L và bị cáo Phan Quang N1 đã làm sai quy định pháp luật về đầu tư xây dựng và đấu thầu gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước tổng cộng 1.191.569.521 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực đấu thầu mà còn ảnh hưởng xấu đến các hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan Nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ trong hoạt động đấu thầu, gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản Nhà nước nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo biện pháp cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là đối với tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và các tội phạm về chức vụ trong giai đoạn hiện nay. Do đó cần phải xử lý các bị cáo thật nghiêm đúng pháp luật, đúng với tính chất mức độ vai trò của từng bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để trở thành người tốt có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Cả 02 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tích cực hợp tác cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, từ lời khai của các bị cáo đã giúp cơ quan tiến hành tố tụng thu thập nhiều chứng cứ đã xảy ra rất lâu, qua đó đánh giá chứng cứ để giải quyết vụ án được toàn diện, thiệt hại trong vụ án đã được khắc phục hoàn toàn, các bị cáo đã có tác động để những người có trách nhiệm liên quan khắc phục toàn bộ thiệt hại vụ án các bị cáo trong thời gian công tác có nhiều thành tích được tặng nhiều Giấy khen, chứng nhận các cấp, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

Bị cáo L có thành tích xuất sắc trong công tác được công nhận chiến sĩ thi đua cơ sở nhiều năm, có bằng khen, giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh tế - xã hội đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự 2015.

Các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự “Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này”

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Về tính chất đồng phạm: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn bị cáo L với vai trò là Giám đốc ban quản lý dự án còn bị cáo N1 là Chuyên viên ông L đã chỉ đạo cho N1 tham mưu chỉnh sửa Công văn số 116/CV-BQL ngày 10/5/2011 từ hai gói thầu sang 01 gói thầu, còn bị cáo N1 biết có vi phạm nhưng do nể nang không dám báo cáo sai phạm mà làm theo yêu cầu của bị cáo L mặc dù đã biết có tiêu chí phải có trạm bảo hành đặt ở Cần Thơ là sai quy định, hạn chế nhà thầu. Còn đối với hành vi bị cáo N1 thỏa thuận với ông Trần Thanh S2 là Giám đốc Công ty để N1 thẩm tra dự toán, lập báo cáo, ông S2 đại diện Công ty ký tên, đóng dấu, chi phí thực hiện được phân chia theo tỉ lệ Công ty T15 giữ 30% (chi cho thuế, quản lý công ty), N1 hưởng 70% trên giá trị hợp đồng, ông S2 đồng ý. Tuy nhiên, N1 không thẩm tra dự toán theo quy định mà sao chép dữ liệu từ đơn vị lập dự toán cung cấp, sau đó đưa vào phần mềm excel tự chỉnh sửa số liệu các chi phí trong dự toán theo ý của N1, N1 không chạy phần mềm dự toán để rà soát khối lượng dự toán nên N1 không phát hiện khối lượng xây lắp trong dự toán thừa rất lớn ông L thì không xem xét kỹ và ký tên cũng làm gây thất thoát thiệt hại tài sản của nhà nước nên xét vai trò của hai bị cáo là ngang nhau, hai bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất, bị cáo L và bị cáo N1 cùng thực hiện người tham mưu, người thì ký.

- Ngày 08/8/2022, ông Nguyễn Văn P nguyên Chủ tịch UBND huyện V nộp 178.000.000 đồng và ông Nguyễn Thanh S3, nguyên Chủ tịch UBND huyện V nộp 178.327.000 đồng, Ngày 21/8/2022, ông Trần Văn T10, nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện V nộp số tiền 56.820.000 đồng. Tổng cộng 413.147.000 đồng là tiền nộp khắc phục thiệt hại từ việc chỉ định thầu tư vấn lập dự toán và thẩm tra dự toán 12 gói thầu thiết bị sai quy định mà các ông đã ký phê duyệt. Vì dự toán gói thầu thiết bị được lập khi lập dự án, do đó chi phí tư vấn lập dự toán gói thầu thiết bị được tính vào chi phí tư vấn lập dự án nên việc lập dự toán và thẩm tra dự toán thiết bị là không cần thiết, vì vậy khi đề nghị quyết toán đối với khoản tiền này đã không được quyết toán. Tuy nhiên, đây là số tiền BQL dự án thực hiện thủ tục tạm ứng ngân sách để thanh toán cho nhà thầu, đến nay những người có trách nhiệm đã nộp lại, nên không gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, ngày 30/6/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành quyết định trả lại tài sản số 01 trả lại số tiền 413.147.000 đồng cho Ủy Ban nhân dân huyện V nộp hoàn lại ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6] Về Vật chứng: Ngày 30/3/2021, ông Nguyễn Hữu V2 nộp 8.150.000 đồng, ngày 08/4/2021 và ngày 09/7/2021, ông Mai Chí N3, Giám đốc Công ty cổ phần T16 nộp 436.000.000 đồng, ngày 13/4/2021 và ngày 25/5/2022, ông Trần Thanh N5, Giám đốc Công ty TNHH T17 nộp 208.272.000 đồng để khắc phục thiệt hại trong gói thầu Hệ thống xử lý nước thải + thiết bị. Tổng cộng 652.422.000 đồng, trong đó nộp khắc phục thiệt hại là 644.272.000 đồng, nộp khắc phục về chi

phí tư vấn điều chỉnh giảm theo Kết luận thanh tra số 1572 ngày 18/12/2020 của Thanh tra thành phố Cần Thơ là 8.150.000 đồng.

- Ngày 15/4/2022, Ông Nguyễn Văn P, nguyên Chủ tịch UBND huyện V nộp 570.900.000 đồng để khắc phục thiệt hại theo kết luận giám định về công tác tổ chức đấu thầu gói thiết bị phòng mổ.

Đây là số tiền thiệt hại trong vụ án liên quan đến 02 gói thầu đã được giám định và kết luận, các cá nhân liên quan đều tự nguyện nộp khắc phục nên tuyên trả cho UBND huyện V là chủ đầu tư - đơn vị bị thiệt hại trong vụ án theo quy định là phù hợp.

Đối với ông Trần Văn S5 – Giám đốc công ty T15 đã có lỗi trong việc giao cho N1 thẩm định dự toán, thiếu trách nhiệm trong kiểm tra lại báo cáo thẩm tra dự toán mà ký xác nhận là căn cứ phê duyệt dự toán gói thầu gây thiệt hại Ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, Công ty T15 là doanh nghiệp ngoài nhà nước nên cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng là phù hợp.

Trung tâm C3 do ông Lê Hồng V1 làm Giám đốc đã lập dự toán của gói thầu sai quy định Luật Xây dựng. Quá trình điều tra chưa có căn cứ xác định có thông đồng với bị can N1 nâng khối lượng để chiếm đoạt tiền nhà nước, hành vi, vi phạm quy định tại Điều 26 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở, nên cơ quan điều tra không khởi tố.

Ông Trần Văn T8 – Trưởng Phòng, Nguyễn Văn T9 – Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện V là người tiến hành thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định báo cáo phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu tham mưu cho UBND huyện V phê duyệt, cũng như ông Trần Ngọc H5 -Phó chủ tịch UBND huyện V được ông Nguyễn Văn P phân công ký quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu nhưng đã thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, đánh giá hồ sơ gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, vụ việc vi phạm về đấu thầu đối với gói thầu thiết bị phòng mổ xảy ra từ năm 2011, đến nay thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đã hết nên cơ quan điều tra không khởi tố.

Đối với ông Nguyễn Văn P, bị cáo L khai nhận ông P là người chỉ đạo bị cáo thay đổi nội dung công văn số 116 ngày 10/5/2011 từ xin chủ trương 02 gói thầu xuống còn 01 gói thầu. Qua xác minh ông P không còn ở nơi cư trú nên chưa tiến hành đối chất làm rõ các nội dung liên quan đến trách nhiệm ông P. Vì vậy, tách hành vi ông P ra, tiếp tục làm rõ có căn cứ xử lý sau.

[7] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quan

điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo N1 về áp dụng khoản 2 Điều 54 cho bị cáo N1 đối với tội Vi phạm qui định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng và đề xuất mức án chưa phù hợp vì đối với tội danh Vi phạm qui định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng bị cáo N1 là người thực hành, không phải là người giúp sức trong vụ án và vai trò không đáng kể nên không chấp nhận.

[8] Bị cáo N1 và bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phan Quang N1** phạm tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” và tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”.

Bị cáo **Lê Hiếu L** về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” và tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Căn cứ điểm đ - khoản 2 - Điều 222, điểm d - khoản 2 - Điều 224; Điều 17, Điều 48, khoản 1 Điều 54, Điều 55, Điều 58, điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Phan Quang N1 01 (Một) năm tù về tội ”Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”, 03 (Ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp hình phạt: 04 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2021.

Căn cứ điểm đ - khoản 2 - Điều 222, điểm c - khoản 2 - Điều 360; Điều 17, Điều 48 Khoản 1 Điều 54, Điều 55, Điều 58, điểm, b, s, t, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Lê Hiếu L 03 (Ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. 01 (Một) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây

hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp hình phạt: 04 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2021.

2. Về vật chứng: Trả cho UBND huyện V là chủ đầu tư - đơn vị bị thiệt hại trong vụ án số tiền 1.223.322.000 đồng nộp hoàn lại Ngân sách nhà nước.

(Vật chứng được lưu giữ tại kho vật chứng thuộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh theo Quyết định chuyển vật chứng số: 03/QĐ-VKS-P1 ngày 30/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ).

3. Về án phí: Bị cáo Phan Quang N1 và bị cáo Lê Hiếu L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan CSĐT CAH Vĩnh Thạnh;
- Nhà tạm giữ CAH Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nhật Trường